

Số: 94 /2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường
xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4
năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; số 79/2025/NĐ-CP ngày
01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm
pháp luật; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng tháng 6 năm 2025 Quy định về
phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý
nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 7670/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026
trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 873/BC-HĐND ngày 05 tháng
12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và
định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên
địa bàn tỉnh Lai Châu.*

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc,
tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa
phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến 31 tháng 12 năm 2026.
2. Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Khi các văn bản quy định được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giảng Páo Mỹ

**QUY ĐỊNH****Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm
2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Mục 1**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2026 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu; các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026; kế hoạch tài chính 5 năm địa phương giai đoạn 2026-2030; kế thừa tiêu chí, định mức còn phù hợp giai đoạn 2022-2025. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp ngân sách, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của các địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính; góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đơn vị sự nghiệp để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội phát triển kinh tế, xã hội.

4. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng nhiệm vụ, chế độ chính sách chi ngân sách nhà nước. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trong các lĩnh vực chi với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài, dành nguồn lực để bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm đảm bảo đúng nội dung, mục tiêu của các Đề án, Nghị quyết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tiêu chí phân bổ ngân sách rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm tra bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch. Đồng thời làm cơ sở để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí đối với các cơ quan quản lý hành chính; các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

6. Các tiêu chí xác định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương gồm: Dân số; biên chế được cấp có thẩm quyền giao, số hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xã biên giới; xã đặc biệt khó khăn, số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn, thôn bản đặc biệt khó khăn. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành đến ngày Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này. Đảm bảo chi lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng.

7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các xã, phường tuân thủ thêm một số nguyên tắc: Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số là tiêu chí chính kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với các xã, phường đối với một số lĩnh vực chi như: Chi sự nghiệp môi trường đối với xã trung tâm, phường; chi quản lý hành chính; chi sự nghiệp đào tạo; chi sự nghiệp văn hóa.

8. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên; ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Mục 2**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH****Tiểu mục 1****TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**

Điều 3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi của cơ quan Đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; các cơ quan quản lý nhà nước

1. Về tiêu chí: Căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Định mức phân bổ

a) Đảm bảo quỹ tiền lương: Khoản quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34), các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên

STT	Nội dung	Định mức phân bổ (Triệu đồng/biên chế/năm)
1	Cơ quan Đảng	47
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc	42
3	Cơ quan quản lý nhà nước	
-	Từ 20 biên chế trở xuống	40
-	Từ 21 biên chế trở lên	38

3. Định mức phân bổ tại điểm b, khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan, đơn vị như: Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, đơn vị; hoạt động trang thông tin điện tử nội bộ của cơ quan, đơn vị; vật tư văn phòng, thanh toán

dịch vụ công cộng; chỉ công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; chỉ hoạt động kiểm tra.

b) Chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương (không bao gồm phụ cấp cấp ủy).

c) Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

4. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này chưa bao gồm:

a) Chi chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể; phụ cấp ưu đãi nghề; phụ cấp đặc biệt; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với Thanh tra viên; phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; trang phục ngành theo quy định.

c) Phụ cấp cho đội ngũ công tác viên dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 167-HD/BTGTW, ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện Kết luận số 100-KL/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội”.

d) Phụ cấp bồi dưỡng phục vụ cấp ủy theo Quy định số 09-QĐ/VPTW, ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số chế độ chi tiêu hoạt động của các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương.

đ) Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

e) Phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên theo Hướng dẫn số 06-HD/TCTW-BTGTW, ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ban Tổ chức Trung ương - Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên các cấp theo Thông báo số 13-TB/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị.

f) Chi chính sách đối với viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ. Các khoản phụ cấp ngành, nghề theo quy định của pháp luật.

g) Các khoản chi đặc thù của các cơ quan đơn vị theo quy định, gồm: Chi chế độ đặc thù cán bộ làm công tác cơ yếu; chi hoạt động các ban chỉ đạo; kinh

phí thẩm định, xây dựng văn bản theo quy định; hội nghị giao ban, triển khai, tổng kết nhiệm vụ định kỳ, hằng năm; chi hoạt động đặc thù của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; chi đoàn ra, đoàn vào; phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính; kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí; trích một phần từ các khoản tiền thu hồi phát hiện qua thanh tra sau khi nộp vào ngân sách nhà nước; chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo quy định; chi duy trì hoạt động công thông tin điện tử tỉnh; tiền điện, nước của các cơ quan, đơn vị có trụ sở làm việc ở ngoài Khu Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

h) Chi thực hiện các đề án, nghị quyết và các nhiệm vụ không thường xuyên khác được cấp có thẩm quyền quyết định; kinh phí mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Tiểu mục 2

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI CÁC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP; TỔ CHỨC XÃ HỘI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

1. Về tiêu chí: Căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Định mức phân bổ

a) Đảm bảo quỹ tiền lương: Khoản quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34), các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, đơn vị như: Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng (*bao gồm tiền điện, tiền nước*) tập huấn, bồi

dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, đơn vị; hoạt động trang thông tin điện tử nội bộ của cơ quan, đơn vị.

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị như: Chi nghiệp vụ chuyên môn; chi công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; chi hoạt động kiểm tra và các nhiệm vụ phát sinh khác theo quy định thuộc chức năng, nhiệm vụ; chi hội thảo thỉnh giảng theo quy định.

c) Chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương (không bao gồm phụ cấp cấp ủy).

d) Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của viên chức theo quy định.

4. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này chưa bao gồm:

a) Chi chế độ tiền thưởng đối với viên chức theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Chi phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ; Các khoản phụ cấp, trợ cấp đối với viên chức theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ; Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Phụ cấp đặc biệt theo Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ; các khoản phụ cấp ngành, nghề theo quy định của pháp luật.

c) Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

d) Các chế độ, chính sách của học sinh, học viên, sinh viên theo quy định hiện hành.

đ) Chi thực hiện các đề án, nghị quyết và các nhiệm vụ không thường xuyên khác được cấp có thẩm quyền quyết định; kinh phí mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số

1. Tiêu chí, định mức phân bổ đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên (*bao gồm: Chế độ tiền thưởng; Quỹ tiền lương: Chi tiền lương; các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo chế độ do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập được xác định trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách*

Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh) sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp, thu dịch vụ khám, chữa bệnh được để lại chi nhưng chưa bảo đảm chi lương và chi hoạt động thường xuyên.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi chưa được kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ đối với các đơn vị thực hiện hoạt động y tế dự phòng, dân số và trạm y tế xã.

a) Định mức phân bổ quỹ tiền lương: Khoản quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34), các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên

STT	Tên đơn vị	Định mức phân bổ (Triệu đồng/biên chế/năm)
1	Trung tâm Y tế dự phòng tuyến tỉnh	
a	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	26
b	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm pháp y	25
2	Sự nghiệp dân số, y tế dự phòng thuộc các Trung tâm	
a	Sự nghiệp dân số, Y tế dự phòng: Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè	25
b	Sự nghiệp dân số, Y tế dự phòng: Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên	23
c	Sự nghiệp dân số và Y tế dự phòng Lai Châu	20
3	Trạm y tế xã, phường	
a	Trạm y tế xã thuộc địa bàn xã biên giới	19

STT	Tên đơn vị	Định mức phân bổ (Triệu đồng/biên chế/năm)
b	Trạm y tế xã thuộc địa bàn xã đặc biệt khó khăn	18
c	Trạm y tế xã, phường còn lại	16

3. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, đơn vị như: Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng (bao gồm cả tiền điện, tiền nước).

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị như: Chi nghiệp vụ chuyên môn; tập huấn; chi công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, đơn vị; hoạt động trang thông tin điện tử nội bộ của cơ quan, đơn vị; chi hoạt động kiểm tra; chi các hoạt động truyền thông về công tác y tế - dân số và các nhiệm vụ phát sinh khác theo quy định thuộc chức năng, nhiệm vụ.

c) Chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương (không bao gồm phụ cấp cấp ủy).

d) Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của viên chức theo quy định.

4. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này chưa bao gồm:

a) Chi chế độ tiền thưởng đối với viên chức theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

c) Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản.

d) Chi chính sách đối với viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ.

đ) Chi hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành.

e) Chi các hoạt động nghiệp vụ: Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

cộng đồng, xét nghiệm, kiểm nghiệm, giám định y khoa, giám định pháp y; phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh; chi xử lý chất thải y tế.

f) Chi thực hiện các đề án, nghị quyết và các nhiệm vụ không thường xuyên khác được cấp có thẩm quyền quyết định; kinh phí mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin; phát thanh, truyền hình; thể dục, thể thao; bảo vệ môi trường; bảo đảm xã hội; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi hoạt động kinh tế khác

1. Tiêu chí phân bổ: Căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Định mức phân bổ

a) Đảm bảo quỹ tiền lương: Khoản quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34), các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên

STT	Nội dung	Định mức phân bổ (Triệu đồng/biên chế/năm)
1	Từ 20 biên chế trở xuống	22
2	Từ 21 biên chế trở lên	20

3. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan, đơn vị như: Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, đơn vị; hoạt động trang thông tin điện tử nội bộ của cơ quan, đơn vị.

b) Chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày

30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương (không bao gồm phụ cấp cấp ủy).

c) Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của viên chức theo quy định.

4. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này chưa bao gồm:

a) Chi chế độ tiền thưởng đối với viên chức theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Chi chính sách đối với viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ; các khoản phụ cấp ngành, nghề theo quy định của pháp luật.

c) Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

d) Tiền nhiên liệu phục vụ hoạt động của máy móc thiết bị phát sóng của cơ quan Báo và Phát thanh Truyền hình Lai Châu.

đ) Tiền điện, nước đối với các cơ quan đơn vị có trụ sở làm việc ngoài Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh; Kinh phí chi trả tiền điện, tiền nước, vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, cây cảnh Khu trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh, Quảng trường nhân dân và tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh.

e) Chi các chế độ chính sách bảo trợ xã hội, Bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.

f) Chi thực hiện các đề án, nghị quyết và các nhiệm vụ không thường xuyên khác được cấp có thẩm quyền quyết định; kinh phí mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

5. Định mức chi trả quỹ nhuận bút (đã bao gồm chi nhuận bút, thù lao bản quyền phát sóng): Được xác định không quá 1,5 lần tổng quỹ tiền lương ngạch, bậc (không bao gồm các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương) tại thời điểm xây dựng dự toán trên số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 7. Định mức phân bổ chi của sự nghiệp giao thông

1. Định mức phân bổ cho công tác quản lý và duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường quốc lộ được bàn giao cho địa phương quản lý (chưa bao gồm kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và khắc phục bão lũ hằng năm), cụ thể:

a) Đối với đường quốc lộ có mặt đường láng nhựa, mặt đường bê tông nhựa: 50 triệu đồng/km/năm.

b) Đối với cầu có chiều dài $L \geq 6m$: 0,4 triệu đồng/m/năm.

2. Định mức phân bổ cho công tác quản lý và duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường do tỉnh quản lý (chưa bao gồm kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và khắc phục bão lũ hằng năm), cụ thể:

a) Đối với mặt đường láng nhựa; mặt đường bê tông nhựa: 48 triệu đồng/km/năm.

b) Đối với mặt đường bê tông xi măng: 47 triệu đồng/km/năm.

c) Đối với mặt đường cấp phối: 51 triệu đồng/km/năm.

d) Đối với cầu có chiều dài $L \geq 6m$: 0,25 triệu đồng/m/năm.

3. Đối với kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và khắc phục bão lũ hằng năm các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 8. Tiêu chí, định mức phân bổ đối với các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Tiêu chí phân bổ: Theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Định mức phân bổ

a) Đảm bảo quỹ tiền lương: Khoản quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34), các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan, đơn vị như: Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị; vật tư văn

phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, đơn vị; hoạt động trang thông tin điện tử nội bộ của cơ quan, đơn vị.

b) Chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương (không bao gồm phụ cấp cấp ủy).

4. Định mức phân bổ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này chưa bao gồm:

a) Chi chế độ tiền thưởng đối với viên chức theo Nghị định số 73/2024/NĐ - CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW, ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

c) Chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được Đảng, nhà nước giao được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Tiểu mục 3

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐỐI VỚI CHI QUỐC PHÒNG - AN NINH; CHI KHÁC NGÂN SÁCH

Điều 9. Định mức phân bổ chi quốc phòng-an ninh

Ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội do cấp tỉnh đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; pháp luật chuyên ngành và Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ và khả năng cân đối ngân sách của địa phương hằng năm.

Điều 10. Định mức phân bổ chi khác

1. Định mức chi Quỹ thi đua khen thưởng cấp tỉnh: Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế và nguồn Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh, Sở Nội vụ lập kế hoạch sử dụng Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán chi Quỹ thi đua khen thưởng theo quy định, tối đa bằng 1,5% chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.

2. Chi hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên đóng trên địa bàn thực hiện các

nhiệm vụ của địa phương theo quy định tại khoản 5, Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Mục 3

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG

Tiểu mục 1

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Điều 11. Tiêu chí, định mức phân bổ chi của cơ quan Đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; các cơ quan quản lý nhà nước

1. Về tiêu chí: Căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; Ngoài định mức chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí chi tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định; kinh phí đặc thù thực hiện các nhiệm vụ.

2. Định mức phân bổ như sau:

a) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí biên chế: 38 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Định mức phân theo tiêu chí bổ sung để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của cấp xã là: 1.600 triệu đồng/năm/xã, phường. Ngoài ra được xác định thêm theo số thôn, bản, tổ dân phố: 10 triệu đồng/ thôn, bản, tổ dân phố/năm.

c) Hỗ trợ các xã khó khăn gồm: Sì Lở Lầu; Tủa Sín Chải, Nậm Cuối, Nậm Mạ, Mường Mô, Thu Lũm; Pa Ủ; Mù Cả; Tà Tổng: 200 triệu đồng/xã/năm.

3. Định mức phân bổ đã bao gồm:

a) Kinh phí hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng.

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm của cơ quan, đơn vị: Chi nghiệp vụ chuyên môn; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát, tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo và chi nhiệm vụ lưu trữ theo quy định. Kinh phí hoạt động của các Ban chỉ đạo; các hoạt động, nhiệm vụ phát sinh khác theo quy định thuộc

chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp.

c) Kinh phí thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

d) Kinh phí theo Quy định số 25-QĐ/TU, ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tỉnh ủy Lai Châu về một số chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy.

đ) Kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Kinh phí xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

f) Kinh phí thực hiện hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

g) Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

h) Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện theo Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

i) Kinh phí bảo vệ nền tảng tư tưởng Đảng, tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng; Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng ISO.

4. Định mức phân bổ chưa bao gồm:

a) Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW, ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

b) Kinh phí hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận thôn, bản, tổ dân phố thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và Phong trào “Toàn dân

đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Kinh phí chi hoạt động phí hằng tháng của Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d) Kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Kinh phí hoạt động của Chi hội thuộc các tổ chức Chính trị - xã hội ở thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo Nghị quyết số 42/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Chính sách hỗ trợ hằng tháng cho đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lai Châu được tặng Huy hiệu Đảng từ 40 năm tuổi Đảng trở lên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

f) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động và sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Chi thực hiện một số nhiệm vụ không thường xuyên (ngoài định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế, tiêu chí bổ sung), chi Đề án, Nghị quyết của cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù khác theo quy định: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Tiểu mục 2

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI CÁC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP

Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

1. Về tiêu chí: Căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; Ngoài định mức chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị được phân bổ kinh phí chi tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định và các chế độ chính sách cho viên chức theo quy định hiện hành; kinh phí đặc thù thực hiện các nhiệm vụ.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí biên chế: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Định mức phân bổ đã bao gồm:

a) Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, đơn vị như: Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; chi thưởng; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng (*bao gồm tiền điện, tiền nước*) tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, đơn vị; hoạt động trang thông tin điện tử nội bộ của cơ quan, đơn vị.

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị như: Chi nghiệp vụ chuyên môn; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; chi hoạt động kiểm tra và các nhiệm vụ phát sinh khác theo quy định thuộc chức năng, nhiệm vụ; chi hội thảo thỉnh giảng theo quy định.

c) Hỗ trợ kinh phí cho các Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Trung tâm học tập cộng đồng.

d) Chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương.

đ) Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của viên chức theo quy định.

4. Định mức phân bổ chưa bao gồm:

a) Các chế độ, chính sách của trẻ em mầm non; học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành.

b) Chi thực hiện các đề án, nghị quyết và các nhiệm vụ không thường xuyên khác được cấp có thẩm quyền quyết định; kinh phí mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

5. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Các xã, phường được bổ sung kinh phí theo mức 1,2 triệu đồng/biên chế cán bộ, công chức, viên chức được giao để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền (*chưa bao gồm: Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn*).

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao; Phát thanh - truyền hình

1. Định mức theo tiêu chí dân số: 54.000 đồng/người dân/năm. Đối với các xã, phường có dân số dưới 13.500 dân được tính phần chênh lệch dân số để đảm bảo bằng mức dân số 13.500 dân.

2. Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động các lễ hội được công nhận quy mô cấp tỉnh cụ thể: Tết độc lập tại xã Than Uyên: 3.000 triệu đồng/lễ hội/năm; Lễ hội đền thờ vua Lê Thái Tổ tại xã Lê Lợi: 1.500 triệu đồng/lễ hội/năm; Lễ hội Then Kín Pang xã Khổng Lào: 1.500 triệu đồng/lễ hội/năm.

3. Định mức phân bổ đã bao gồm: Chi hoạt động văn hóa thông tin, thể dục, thể thao, du lịch, tham gia các lễ hội, trưng bày sản phẩm OCOP, tổ chức các lễ hội truyền thống, phát thanh, truyền thanh trên địa bàn các xã, phường.

4. Định mức phân bổ chưa bao gồm:

a) Kinh phí tổ chức Đại hội thể dục - thể thao; hỗ trợ kinh phí cho các thôn, bản, tổ dân phố, khu phố (sau đây gọi chung là cộng đồng dân cư) để xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Kinh phí thực hiện các đề án, nghị quyết của tỉnh: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 14. Định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội

Định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội được phân bổ trên cơ sở đối tượng thụ hưởng chính sách do các xã, phường báo cáo, phê duyệt và mức chi trả theo quy định hiện hành.

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

Đối với các xã Than Uyên, xã Tân Uyên, xã Bình Lư, phường Đoàn Kết, phường Tân Phong, xã Phong Thổ, xã Sìn Hồ, xã Nậm Hàng, xã Bum Tở được phân bổ kinh phí theo mức 2.500 triệu đồng/xã, phường/năm. Đối với các xã còn lại được phân bổ kinh phí theo mức 400 triệu đồng/xã/năm để thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 16. Định mức phân bổ chi Quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: 15.000 đồng/người dân/năm và 160 triệu đồng/xã biên giới/năm. Đối với các xã, phường có dân số dưới 13.500 dân được tính phần chênh lệch dân số để đảm bảo bằng mức dân số 13.500 dân.

a) Định mức phân bổ trên bao gồm: Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định.

b) Định mức phân bổ chưa bao gồm: Chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ và kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ phân cấp cho cấp xã thực hiện theo quy định.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Hỗ trợ các xã, phường thực hiện nhiệm vụ diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt với mức 835 triệu đồng/xã, phường/lần diễn tập và kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, an ninh trật tự vùng di dân tự do theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt với mức 500 triệu đồng/xã, phường/năm.

Điều 17. Định mức phân bổ chi An ninh

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số: Chi an ninh: 8.000 đồng/người dân/năm và 80 triệu đồng/xã biên giới/năm. Đối với các xã, phường có dân số dưới 13.500 dân được tính phần chênh lệch dân số để đảm bảo bằng mức dân số 13.500 dân.

2. Định mức phân bổ trên bao gồm: Kinh phí hỗ trợ các đơn vị an ninh đóng trên địa bàn các xã, phường để thực hiện các nhiệm vụ cần thiết về an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3. Định mức phân bổ chưa bao gồm: Chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các khoản kinh phí đặc thù thực hiện nhiệm vụ an ninh được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 18. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Định mức phân bổ theo tỷ trọng (*bằng 20%*) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ của cấp xã (*từ Điều 11 đến Điều 17 của quy định này*). Đã bao gồm: Kinh phí xác định giá đất cụ thể.

2. Đối với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp: Tiêu chí, định mức phân bổ như sau:

a) Về tiêu chí: Căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài định mức chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí chi tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định, kinh phí đặc thù thực hiện các nhiệm vụ.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí biên chế là: 20 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Định mức theo tiêu chí bổ sung: Đối với các tuyến đường do xã quản lý là 15 triệu đồng/km/năm. Ngoài ra, đối với các xã biên giới: Hỗ trợ kinh phí phát quang đường thông tầm nhìn biên giới là 15 triệu đồng/km/năm; hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường tuần tra biên giới là 15 triệu đồng/km/năm.

4. Định mức phân bổ đã bao gồm: Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan, đơn vị như: Chi tổ chức thực hiện công tác thi đua,

khen thưởng; chi thưởng, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, đơn vị; hoạt động trang thông tin điện tử nội bộ của cơ quan, đơn vị. Chi hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của viên chức theo quy định.

5. Định mức phân bổ chưa bao gồm:

- a) Kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.
- b) Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa.
- c) Kinh phí thực hiện các đề án, nghị quyết của tỉnh; kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh: Mức phân bổ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.
- d) Kinh phí chi vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh đô thị của Phường Đoàn Kết, Phường Tân Phong được xác định theo mức quy định của tỉnh sau khi giảm trừ số kinh phí được bố trí tại Điều 15 quy định này; kinh phí điện chiếu sáng (gồm tiền điện, vận hành, sửa chữa, thay thế) của Phường Đoàn Kết, Phường Tân Phong được xác định theo địa bàn đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Mục 4

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ TRONG CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CẤP TỈNH, CẤP XÃ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 19. Tiêu chí, định mức phân bổ

- 1. Tiêu chí: Theo số lượng lao động hợp đồng được cấp có thẩm quyền giao.
- 2. Định mức phân bổ
 - a) Cơ quan quản lý hành chính định mức phân bổ là 145 triệu đồng/người/năm.
 - b) Đơn vị sự nghiệp định mức phân bổ là 110 triệu đồng/người/năm.
- 3. Định mức phân bổ quy định tại khoản 2 Điều này đã đảm bảo chi hoạt động và chi tiền lương, tiền công lao động, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...) theo quy định cho các đối tượng lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Định mức phân bổ quy định tại khoản 2 Điều này là định mức phân bổ cho các cơ quan đơn vị để thực hiện chi hoạt động và chi tiền lương, tiền công lao động, các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng. Ngoài định mức phân bổ tại Điều này Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) để ký hợp đồng lao động đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động, phù hợp với khả năng ngân sách của cơ quan, đơn vị.

Mục 5

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI KHÁC, CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH

Điều 20. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của cấp xã

Phân bổ theo tỷ trọng (*bằng 0,5%*) tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ đối với cấp xã (từ Điều 11 đến Điều 19 của Quy định này).

Điều 21. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương

1. Tiêu chí, nguyên tắc: Định mức dự phòng đối với ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tính theo tỷ trọng trên tổng chi ngân sách địa phương.

2. Định mức phân bổ: Đối với cấp tỉnh tối thiểu bằng 2% tổng chi ngân sách cấp tỉnh (*không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương*); xã, phường tối thiểu bằng 2% tổng chi ngân sách cấp xã (*tổng chi ngân sách không bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã*).

Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, căn cứ tình hình thực tế các cấp chủ động bố trí dự phòng ngân sách cấp tỉnh, cấp xã đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành./.
